

Bản án số: 14/2026/KDTM-PT
Ngày: 04/9/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt
Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2026/TLPT – KDTM ngày 29/6/2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2026/ KDTM -ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 877/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở P; Địa chỉ: ấp Đ, xã B, tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975; CCCD số 08607512569, cấp ngày 01/9/2021; Địa chỉ: Số B P, khóm B, phường N, tỉnh Vĩnh L (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2025); có mặt

Bị đơn: Bà Phan Thị Thanh B, sinh năm: 1972; CCCD số: 0840172006378, cấp ngày 11/08/2021; Địa chỉ: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh L (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh L); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1971; vắng mặt
 - Ông Phan Tuấn A, sinh năm 1992; vắng mặt
 - Ông Phan Nhật A sinh năm 1996; vắng mặt
- Cùng địa chỉ: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh L.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị Thanh B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-7-2019, các bản tự khai ngày 23-9-2019, 04-02-2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở P là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vào ngày 20-12-2017, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà [(Bên cho vay (Bên A))] đã ký Hợp đồng tín dụng số 39/HĐTD với bà Phan Thị Thanh B [(Bên đi vay (Bên B))] để cho bà B vay số tiền 400.000.000 đồng; Mục đích vay: Kinh doanh; Thời hạn vay: 15 tháng (Từ ngày 22-12-2017 đến ngày 22-3-2019); Lãi suất vay 1%/tháng, lãi quá hạn bằng 1,5%/tháng. Thời hạn trả vốn vay gốc và lãi suất một lần vào ngày 22-3-2019.

Cùng ngày 20-12-2017, ông Phan Thanh N (Anh ruột bà B) và vợ là bà Trần Thị T ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 39/HĐTC để thế chấp thửa đất số 177, diện tích 1.497m² và thửa đất số 178, diện tích 1.263m², cùng tờ bản đồ số 9, cùng loại đất ở và cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh để đảm bảo khoản vay.

Hết thời hạn vay, bà B không trả được nợ gốc lãi, nên Quỹ tín dụng khởi kiện (Được Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án ngày 03-9-2019) về việc yêu cầu bà B trả tổng số tiền nợ 483.400.000 đồng (Gồm: Gốc 400.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 17-7-2019 là 83.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Trường hợp bà B không trả được nợ vay gốc lãi thì yêu cầu phát mãi tài sản của ông N, bà T đã thế chấp để thu hồi vốn.

Quá trình tố tụng vụ án, bà B, bà T có văn bản ủy quyền cho ông N đại diện tham gia tố tụng, ông N đại diện bà B thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng, trường hợp không trả được nợ thì ông N, bà T đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp, được Tòa án nhân dân huyện Càng Long hòa giải thành ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2019/QĐST-KDTM ngày 01-10-2019. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 584/KL-KTHS ngày 29-8-2023 của Phòng K Công an tỉnh T thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ096618, số vào sổ cấp GCN: CH02091 đối với thửa đất số 178, tờ bản đồ số 9, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23-4-2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ096443, số vào sổ cấp GCN: CH02079 đối với thửa đất số 177, tờ bản đồ số 9, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16-4-2014 là giấy giả. Nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị tái thẩm. Tại Quyết định tái thẩm số 18/2024/KDTM-TT ngày 30-7-2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy Quyết định số 06/2019/QĐST-KDTM ngày 01-10-2019 và giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Càng Long (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh L) xét xử sơ thẩm lại vụ án. Ngày 22-02-2023, ông N chết.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở P xác định lại yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu bà Phan Thị Thanh B phải trả tổng số tiền nợ là 969.556.200 đồng (Gồm nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19-4-2026 là 569.556.200 đồng) và tiếp tục trả lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Quỹ tín dụng rút phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, do giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 177, 178 là giấy giả.

Đồng thời Quỹ tín dụng xác định không tranh chấp gì đối với ông Đặng Văn B1 là chồng bà B, không yêu cầu Tòa án đưa ông B1 vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 15-10-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thanh N là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Thanh B và bà Trần Thị T trình bày:

Ông và bà B, bà T hoàn toàn đồng ý với trình bày của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phương T2 về quá trình vay vốn, nợ gốc và nợ lãi cùng với việc ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 177, 178; Đồng ý trả cho Q tín dụng tiền vốn và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 39/HĐTD ngày 20-12-2017 nhưng xin được trả dần. Trường hợp không khả năng trả, đồng ý phát mãi tài sản thế chấp của ông N và bà T để thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng.

Tại bản tự khai ngày 22-5-2025, bản tự khai cùng đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu cùng ngày 19-3-2026 và trong quá trình giải quyết lại vụ án, bị đơn bà Phan Thị Thanh B trình bày:

Bà Phan Thị Thanh B là em ruột của ông Phan Thanh N. Vào thời điểm ông N vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà thì bà hoàn toàn không hay biết. Ông N mượn danh của bà tự làm thủ tục ủy quyền, rồi tự ký xác lập hợp đồng vay tiền với Quỹ tín dụng. Bà không sử dụng số tiền ông N đã vay, nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng. Nay đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, do yêu cầu của Quỹ tín dụng đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, các ông Phan Tuấn A, Phan Nhật A: Quá trình mời làm việc lại vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến trong vụ án này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/ KDTM-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh L đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở P.

2. Buộc bị đơn bà Phan Thị Thanh B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Q tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 19-4-2026 là 969.556.200đ (Chín trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm đồng) [Trong này: Nợ gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Nợ lãi 569.556.200đ (Năm trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm đồng)] theo Hợp đồng tín dụng số 39/HĐTD ngày 20-12-2017).

Kể từ ngày 20-4-2026 đến ngày xét xử sơ thẩm, còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

2. Đình chỉ phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà, do tự nguyện rút lại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/5/2026, bị đơn bà Phan Thị Thanh B kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho Q tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà số tiền gốc và lãi là 969.556.200 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm do không có vay tiền của Quỹ tín dụng mà do ông N (anh ruột đã chết thực hiện). Trong giai đoạn sơ thẩm Tòa án đã giải thích quyền yêu cầu giám định chữ ký vay nhưng bà B không yêu cầu. Nay ông N đã chết, bà B xác định bà không có nhận tiền vay nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện, chữ ký trong hợp đồng tín dụng do ông N giả mạo.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Quan hệ tranh chấp, việc tham gia tố tụng như án sơ thẩm xác định.

Vấn đề không thống nhất: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia tố tụng hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tại Quyết định tái thẩm số 18/2024/KDTM-TT ngày 30/7/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2019/QĐST-KDTM ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long về vụ án kinh doanh thương mại

"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là Q tín dụng nhân dân cơ sở P với bị đơn là bà Phan Thị Thanh B, giao hồ sơ cho Tòa án dân huyện C, tỉnh Trà Vinh giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Phan Thị Thanh B yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho Q tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà số tiền gốc và lãi là 969.556.200 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà B có người đại diện hợp pháp đã thừa nhận ký tên hợp đồng tín dụng theo hồ sơ vay vốn và đồng ý trả nợ (BL 06-11; BL 22-23; BL 44-52). Quá trình giải quyết lại vụ án sau khi có quyết định tái thẩm, bà B phủ nhận việc vay tiền và chữ ký nhưng tại phiên hòa giải ngày 20/3/2026, tuy đã được giải thích nhưng bà B không yêu cầu giám định (BL 132-133) nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự do không chứng minh được sự phản đối là có căn cứ.

Về lãi suất chậm trả, cấp sơ thẩm quyết định tính lãi chậm trả kể từ ngày 20-4-2026 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng nguyên đơn vẫn đồng ý không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xét.

[3] Từ cơ sở pháp lý và đánh giá chứng cứ như đã nhận định trên, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà Phan Thị Thanh B là con liệt sĩ có giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và đơn xin miễn tiền án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà B.

Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Thanh B. Giữ nguyên bản án số 03/2026/KDTM-ST ngày 23/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh L.

Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274, 280, 351, 357, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 99, 100, 102, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 12, 14, 15, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở P.

2. Buộc bị đơn bà Phan Thị Thanh B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Q tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 19-4-2026 là 969.556.200đ (Chín trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm đồng) [Trong này: Nợ gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Nợ lãi 569.556.200đ (Năm trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm đồng)] theo Hợp đồng tín dụng số 39/HĐTD ngày 20-12-2017).

Kể từ ngày 20-4-2026 đến ngày xét xử sơ thẩm, còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

3. Đình chỉ phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phương Trà, do tự nguyện rút lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phan Thị Thanh B do là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND khu vực 11 -Vĩnh L;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh L;
- THADS tỉnh Vĩnh L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu